
Lãi suất LNH
Trái phiếu

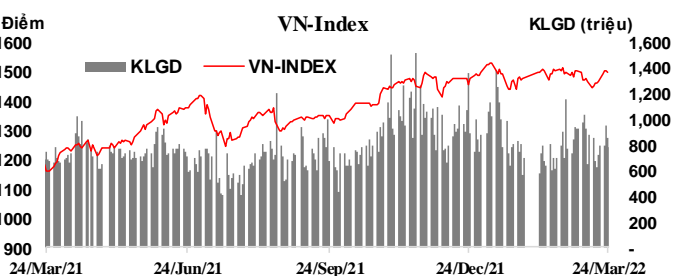
Kỳ hạn	Lãi suất LNH				Trái phiếu		
	VND	D/D	USD	D/D	Kỳ hạn	Lợi suất	D/D
0N	2.08	-0.04	0.24	-0.02	3Y	1.75	0.010
1W	2.12	-0.06	0.31	-0.01	5Y	1.76	-0.042
2W	2.10	-0.07	0.37	0.00	7Y	2.01	-0.015
1M	2.06	0.01	0.48	0.00	10Y	2.42	-0.004
2M	2.23	0.05	0.61	0.03	15Y	2.70	-0.002
3M	2.32	0.00	0.71	0.02			
6M	2.52	-0.06	0.90	-0.01			
9M	2.63	-0.11	1.22	0.04			
1Y	2.86	-0.07	1.28	0.05			

Nguồn: Reuters

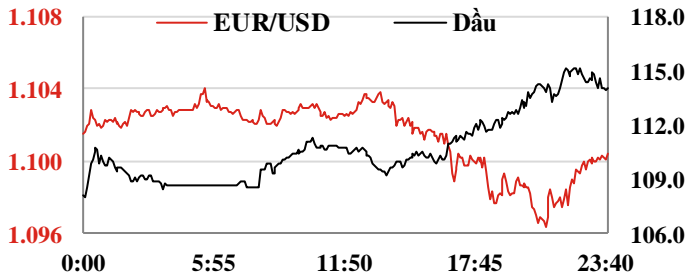
Giao dịch mua kỳ hạn trên OMO (tỷ đ)

Ngày	Phiên	Kỳ hạn (ngày)	Lãi suất (%)	KL gọi thầu	KL trúng	KL đến hạn	Bom/hút ròng	KL lưu hành	
24-03-22	1	14	2.50	10,000	238.75	-	238.75	1,030.51	
23-03-22	1	14	2.50	10,000	283.36	-	283.36	791.76	
22-03-22	1	14	2.50	10,000	192.40	427.20	-	234.80	508.40

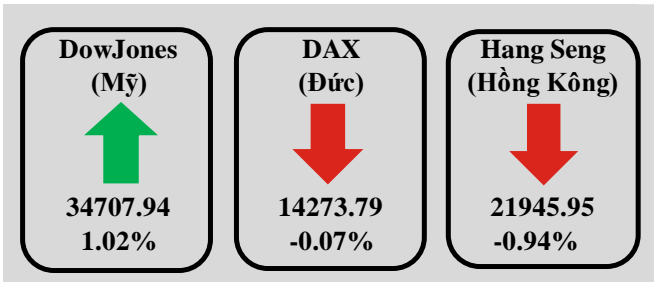
	VN-Index	HNX-Index	Upcom
Điểm	1498.26	462.80	117.27
%/ngày	-0.27%	0.15%	0.59%
%/31/12/2021	0.00%	-2.4%	4.1%
KLGD (tr.d.vị)	784.91	116.37	60.0
GTGD (tỷ đ)	24833.51	3719.05	1303.24
NĐINN mua (tỷ đ)	1461.60	10.23	0.44
NĐINN bán (tỷ đ)	1576.46	26.53	0.49


Tin trong nước ngày 24/03

- Thị trường ngoại tệ:** Phiên 24/03, NHNN niêm yết tỷ giá trung tâm ở mức 23.148 VND/USD, chỉ tăng 01 đồng so với phiên trước đó. Tỷ giá mua giao ngay và tỷ giá bán kỳ hạn 3 tháng được NHNN giữ nguyên niêm yết lần lượt ở mức 22.550 VND/USD và 23.050 VND/USD. Trên thị trường LNH, tỷ giá chốt phiên ở mức 22.808 VND/USD, giảm 10 đồng so với phiên 23/03. Tỷ giá trên thị trường tự do giảm 16 đồng ở chiều mua vào và 36 đồng ở chiều bán ra, giao dịch tại 23.354 VND/USD và 23.416 VND/USD.
- Thị trường tiền tệ LNH:** Ngày 24/03, lãi suất chào bình quân LNH VND giảm 0,04 – 0,07 đpt ở các kỳ hạn ngắn trong khi tăng 0,01 đpt ở kỳ hạn 1M so với phiên trước đó, cụ thể: 0N 2,08%; 1W 2,12%; 2W 2,10% và 1M 2,06%. Lãi suất chào bình quân LNH USD giảm 0,01 – 0,02 đpt ở các kỳ hạn 0N và 1W trong khi đi ngang ở các kỳ hạn 2W và 1M; giao dịch tại: 0N 0,24%; 1W 0,31%; 2W 0,37%, 1M 0,48%. Lợi suất TPCP trên thị trường thứ cấp giảm ở hầu hết các kỳ hạn ngoại trừ tăng ở kỳ hạn 3Y, cụ thể: 3Y 1,75%; 5Y 1,76%; 7Y 2,01%; 10Y 2,42%; 15Y 2,70%.
- Nghiệp vụ thị trường mở:** Phiên hôm qua, NHNN chào thầu 10.000 tỷ đồng trên kênh cầm cố với kỳ hạn 14 ngày, lãi suất 2,50%. Có 238,75 tỷ đồng trúng thầu, không có khối lượng đảo hạn. Như vậy, NHNN bơm ròng 238,75 tỷ đồng ra thị trường, đưa khối lượng lưu hành trên kênh cầm cố lên mức 1.030,51 tỷ đồng.
- Thị trường chứng khoán:** Hôm qua, thị trường tiếp tục giảm nhẹ quanh mốc tham chiếu khi các mã lớn có sự phân hóa. Kết thúc phiên giao dịch, VN-Index giảm 4,08 điểm (-0,27%) xuống 1.498,26 điểm; HNX-Index tăng 0,70 điểm (+0,15%) đạt 462,80 điểm; UPCOM-Index tăng 0,69 điểm (+0,59%) còn 117,27 điểm. Thanh khoản thị trường tiếp tục sụt giảm so với phiên trước đó với tổng giá trị giao dịch đạt gần 29.800 tỷ VND. Khối ngoại bán ròng hơn 131 tỷ đồng trên cả 3 sàn.
- Ngân hàng Nhà nước vừa công bố dữ liệu mới nhất về tình hình tăng trưởng tổng phương tiện thanh toán và tiền gửi của khách hàng tại hệ thống các TCTD.** Cụ thể, cập nhật đến cuối tháng 1/2022, tổng phương tiện thanh toán đạt hơn 13,7 triệu tỷ đồng, tăng trưởng 2,59% so với cuối năm 2021. Trong đó, tổng quy mô tiền gửi của các tổ chức kinh tế ở mức hơn 5,57 triệu tỷ đồng, giảm 1,21% so với cuối năm 2021, dù vậy, mức giảm này vẫn thấp hơn so với mức giảm trung bình 2,58% trong tháng 1 hàng năm trong giai đoạn thống kê từ năm 2013 tới nay. Đến cuối tháng 1/2022, quy mô tiền gửi của dân cư tại các TCTD ở mức 5,4 triệu tỷ đồng, tăng 1,95% so với cuối năm 2021. Đây là mức tăng khá khi so với mức tăng trung bình 1,69% tháng 1 hàng năm trong giai đoạn từ năm 2013 đến nay.



	24 Mar 22	Ngày (%)	Tuần (%)	Đầu năm (%)
USD index	98.79	0.17%	0.83%	2.94%
USD/CNY	6.37	-0.08%	0.33%	0.23%
USD/EUR	0.91	0.07%	0.85%	3.38%
USD/JPY	122.33	0.97%	3.15%	6.30%
USD/KRW	1219.58	0.08%	0.80%	2.66%
USD/SGD	1.36	-0.01%	0.29%	0.62%
USD/TWD	28.66	0.24%	1.58%	3.43%
USD/THB	33.51	-0.30%	0.93%	0.84%
USD/VND Trung tâm	23148	0.00%	-0.08%	0.01%
USD/VND LNH	22808	-0.04%	0.04%	0.07%
USD/VND tự do	23354	-0.07%	-0.37%	-0.41%
Vàng	1957.48	0.73%	0.76%	7.06%
Dầu	112.34	-2.25%	9.09%	49.37%



Kỳ hạn	LIBOR		SIBOR	
	USD	TĐ	USD	TĐ
ON	0.3279	-0.0009		
1M	0.4471	-0.0094	0.4938	0.0000
3M	0.9656	-0.0001	0.6951	0.0062
6M	1.4259	0.0361	0.7312	0.0062
1Y	2.0579	0.0470		

Số liệu SIBOR ngày 23/03/2022

Lãi suất cơ bản các Ngân hàng Trung Ương

NHTW	Đồng tiền	Kỳ trước	Kỳ này	Ngày thay đổi	Cuộc họp tới
Mỹ	USD	0,25%	0,50%	16/03/2022	03/05/2022
Châu Âu	EUR	0,05%	0,00%	10/02/2016	14/04/2022
Anh	GBP	0,50%	0,75%	17/03/2022	05/05/2022
Nhật	JPY	0,10%	-0,10%	28/01/2016	27/04/2022
Australia	AUD	0,25%	0,10%	03/11/2020	05/04/2022

Nguồn: TCTK, NHNN, Hose, HNX, Thomson-Reuters, MSBResearch

Tin quốc tế

- Mỹ đón một số thông tin kinh tế trái chiều.** Đầu tiên, giá trị đơn đặt hàng hàng hóa lâu bền lõi và hàng hóa lâu bền toàn phần tại Mỹ lần lượt giảm 0,6% và 2,2% m/m trong tháng 2 sau khi tăng 0,7% và 1,6% ở tháng trước đó. Kết quả trên tiêu cực hơn nhiều so với dự báo, khi hàng hóa lâu bền lõi được kỳ vọng tăng 0,5% và hàng hóa lâu bền toàn phần chỉ được dự báo giảm nhẹ 0,5%. Tiếp theo, về mặt tích cực, liên quan tới thị trường lao động, số đơn xin trợ cấp thất nghiệp lần đầu tại Mỹ tuần kết thúc ngày 19/03 ở mức 187 nghìn đơn, giảm khá mạnh từ mức 215 nghìn đơn của tuần trước đó và xuống thấp hơn nhiều so với dự báo ở mức 210 nghìn đơn.
- Lĩnh vực sản xuất và dịch vụ tại Eurozone cho thấy tình hình tương đối tích cực.** Cụ thể, tại nước Đức, PMI lĩnh vực sản xuất và lĩnh vực dịch vụ lần lượt ở mức 57,6 và 55,0 điểm trong tháng 3, cùng giảm nhẹ so với 58,4 và 55,8 điểm của tháng 2, tuy nhiên vẫn cao hơn so với mức 55,9 và 53,6 điểm theo dự báo. Tại Eurozone nói chung, PMI hai lĩnh vực trên lần lượt ở mức 57,0 và 54,8 điểm, giảm so với 58,2 và 55,5 điểm của tháng 2, cũng tích cực hơn so với mức 56,0 và 54,3 điểm theo dự báo. IHS Markit cho biết khu vực Eurozone là nơi chịu ảnh hưởng nhiều nhất từ cuộc chiến tranh Nga – Ukraine. Tuy nhiên, nhiều khả năng khu vực này vẫn có lợi thế khi NHTW Châu Âu ECB vẫn chưa bước vào chu kỳ nâng LSCS như Fed và BOE.
- Lĩnh vực sản xuất và dịch vụ tại Anh chuyển động ngược chiều trong tháng 3.** IHS Markit khảo sát cho biết PMI lĩnh vực sản xuất tại nước Anh ở mức 55,5 điểm trong tháng 3, giảm xuống từ 58,0 điểm của tháng 2 và xuyên qua mức 57,0 điểm theo dự báo. Ở lĩnh vực dịch vụ, PMI khảo sát được ở mức 61,0 điểm trong tháng 3, tăng nhẹ từ 60,5 điểm của tháng trước và trái với dự báo giảm xuống còn 58,0 điểm. IHS Markit nhận định, nhìn chung tình hình kinh tế Anh vẫn đang tiếp đà mở rộng kể từ khi mở cửa hoàn toàn kinh tế trở lại. Mặc dù vậy, thị trường này vẫn đang đối mặt với rất nhiều rủi ro lớn, trong đó đáng nêu tên là tiến trình hậu Brexit, sự tăng LSCS của BOE, lạm phát phi mã và cả chiến tranh Nga – Ukraine.

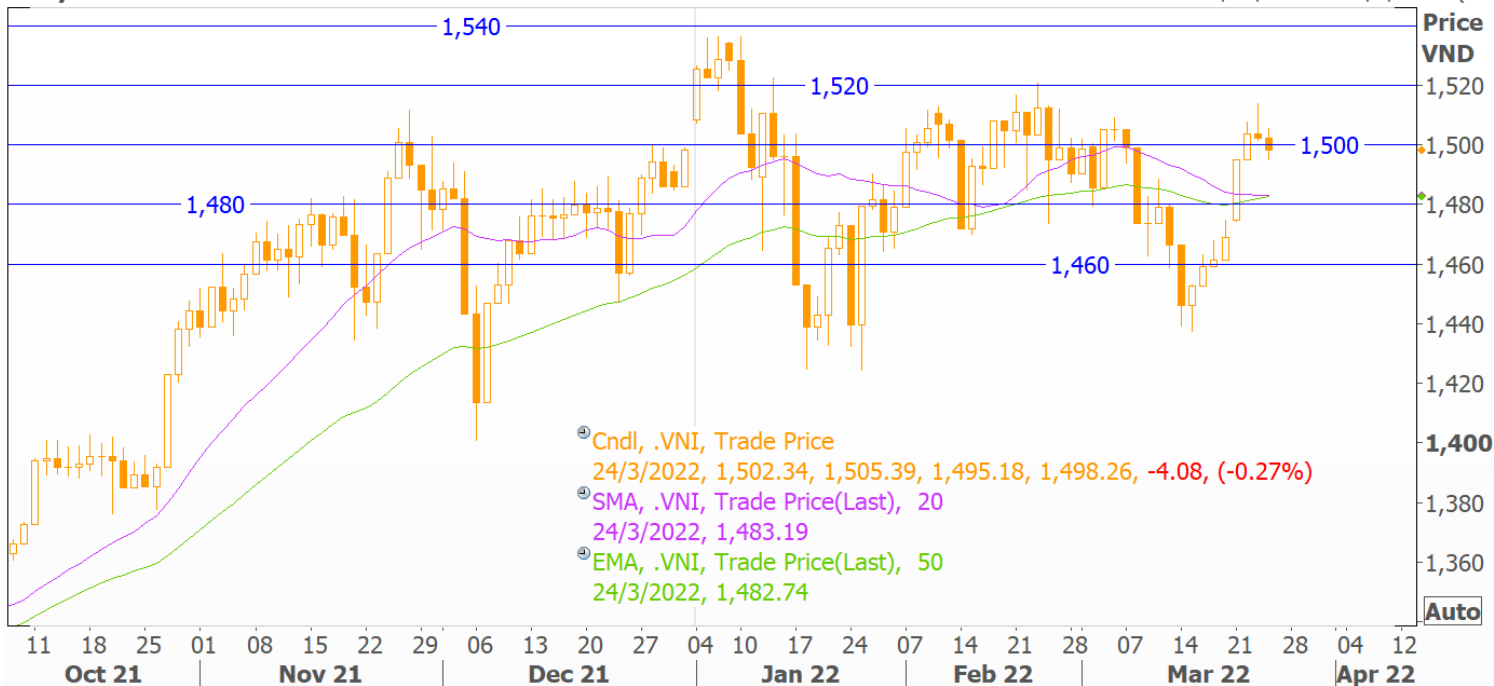
Lịch công bố các chỉ số kinh tế:

Ngày	Giờ VN	Mức độ ảnh hưởng	Chỉ số kinh tế	Kỳ này	Dự báo	Kỳ trước
24-03	15:30	***	PMI sơ bộ lĩnh vực sản xuất Đức T3	57.6	55.9	58.4
24-03	15:30	***	PMI sơ bộ lĩnh vực dịch vụ Đức T3	55.0	53.6	55.8
24-03	16:00	*	PMI sơ bộ lĩnh vực sản xuất Eurozone T3	57.0	56.0	58.2
24-03	16:00	*	PMI sơ bộ lĩnh vực dịch vụ Eurozone T3	54.8	54.3	55.5
24-03	16:30	***	PMI sơ bộ lĩnh vực sản xuất Anh T3	55.5	57.0	58.0
24-03	16:30	***	PMI sơ bộ lĩnh vực dịch vụ Anh T3	61.0	58.0	60.5
24-03	19:30	**	Giá trị đơn đặt hàng hàng hóa lâu bền lõi Mỹ mm T2	-0.6	0.5	0.7
24-03	19:30	**	Giá trị đơn đặt hàng hàng hóa lâu bền Mỹ mm T2	-2.2	-0.5	1.6
24-03	19:30	**	Số đơn xin trợ cấp thất nghiệp lần đầu tại Mỹ ww	187K	210K	215K
25-03	14:00	**	Doanh số bán lẻ Anh mm T2		0.6	1.9
25-03	16:00	**	Niêm tin kinh doanh Ifo Đức T3		94.2	98.9
25-03	21:00	**	Niêm tin tiêu dùng UoM Mỹ sau điều chỉnh T3		59.7	59.7

VN-INDEX

Daily .VNI

7/10/2021 - 13/4/2022 (HAN)



VN-Index giảm nhẹ xuống mức 1498,26 điểm. Thị trường chung lấp gap tăng ở phiên ngày 22/03, có thể quay đầu tăng trở lại trong phiên hôm nay, hướng tới chinh phục đỉnh thời đại.

Nguỡng hỗ trợ: 1.480 – 1.460

Nguỡng kháng cự: 1.520 – 1.540

NGÂN HÀNG TMCP HÀNG HẢI VIỆT NAM

TNR Tower, 54A Nguyễn Chí Thanh - Đống Đa - Hà Nội
ĐT: 04.3771 8989 - Ext: 6867

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU KINH TẾ

Những người thực hiện:

Nguyễn Nữ Hoài Ninh - Trưởng nhóm

Email: ninhnh1@msb.com.vn

Hoàng Thị Thu Trang - CVCC Phân tích

Email: trangtt5@msb.com.vn

Nguyễn Trường Giang - CV Phân tích

Email: giangnt12@msb.com.vn

Những thông tin trên đây được Trung tâm Nghiên cứu kinh tế, MSB thu thập từ những nguồn được coi là đáng tin cậy. Những thông tin này chỉ mang tính tham khảo và Trung tâm Nghiên cứu kinh tế không chịu trách nhiệm về bất cứ tổn thất nào gây ra do việc sử dụng những thông tin trên vào mục đích kinh doanh. Những thông tin trên có thể thay đổi do diễn biến của thị trường và Trung tâm Nghiên cứu kinh tế không có trách nhiệm phải thông báo về những sự thay đổi này.

Mọi ý kiến đóng góp, đăng ký hoặc rút tên khỏi danh sách nhận bản tin, xin Quý khách vui lòng liên hệ qua địa chỉ: Research@msb.com.vn